

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày 26/4/2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Mây và ông Trần Văn Tích
- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 26/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/QĐST-DS ngày 20/3/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 15^a/2023/QĐST-DS ngày 06/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T, địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí M, người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Tổng Giám đốc, người đại diện theo uỷ quyền: Bà Vũ Thị Thu Ng – Giám đốc chi nhánh Hải Dương, người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Chí T – Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro, địa chỉ: 30 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Khắc M – sinh năm 1986, trú tại: Thôn Công Kh, xã Kim L, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Dương Thị Tr – Sinh năm 1988, trú tại: Thôn Công Khê, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

(Ông T, bà Tr vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Ông M vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên tòa ông Nguyễn

Chí Toại là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 08/01/2020 ông Nguyễn Khắc M có ký hợp đồng tín dụng số LD2000800083 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh Hải Dương – Phòng giao dịch Phú Thái số tiền 100.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng, thời hạn 36 tháng, lãi suất vay được ghi rõ và được điều chỉnh theo như hợp đồng đã ký kết, vay không có thế chấp tài sản. Sau khi ký hợp đồng thì ngân hàng đã giải ngân cho ông M số tiền 100 triệu đồng. Nhưng ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng, từ ngày 10/7/2020 ông M không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng nên ngày 10/8/2020 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh Hải Dương đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ nhóm 2. Ông M mới trả được ngân hàng số tiền nợ gốc là 16.662.000đ. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông M yêu cầu có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên nhưng ông M vẫn không chịu thanh toán. Do đó để đảm bảo quyền lợi cho ngân hàng. Ông đề nghị Toà án buộc ông M phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi tính từ ngày 10/7/2020 đến ngày 26/4/2023 là 137.939.568 đồng (*Trong đó số tiền gốc là 83.338.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 39.287.931 đồng, số tiền lãi quá hạn là 15.313.637 đồng*) theo như bảng thống kê lãi mà Ngân hàng đã gửi cho Toà án. Do bà Dương Thị Tr là vợ ông M, bà Tr cũng biết khoản vay của ông M nên đề nghị Toà án buộc bà Tr phải có trách nhiệm liên đới đối với khoản vay nợ này.

Tại biên bản ghi lời khai bà Dương Thị Tr trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Khắc M. Hiện tại ông M đi làm nhưng vẫn về nhà. Bà và ông M đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Toà án nhưng vì bận nên không đến Toà án được. Bà xác định khoản vay nợ của ông M với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông M nên bà và ông M sẽ có trách nhiệm trả cho ngân hàng. Bà xác định trong các biên bản làm việc với ngân hàng mà Ngân hàng đã nộp cho Toà án đúng là chữ ký của bà. Số tiền gốc và lãi mà ngân hàng khởi kiện bà đã biết và không có ý kiến gì. Vì công việc bận nên bà đề nghị Toà án xét xử vắng mặt bà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông M và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông M nhưng ông M không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không gửi quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản xác M tại Công an xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xác định ông Nguyễn Khắc M và bà Dương Thị Tr vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Nhàn là mẹ đẻ của ông M xác nhận: Hiện tại bà Tr và ông M vẫn sinh sống cùng bà. Việc vay nợ của ông M với

ngân hàng bà không biết. Ông M đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng do công việc bận nên vợ chồng ông M không đến Tòa án làm việc được.

Tại phiên tòa:

Ông T vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các quan điểm như đã trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông M và bà Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay nợ từ ngày 10/7/2020 đến ngày 26/4/2023 là 137.939.568 đồng (*Trong đó số tiền gốc là 83.338.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 39.287.931 đồng, số tiền lãi quá hạn là 15.313.637 đồng*). Ông M đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Tr vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 357, 429, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T
- Về nghĩa vụ trả nợ tiền nợ gốc và tiền lãi:

Buộc ông Nguyễn Khắc M và bà Dương Thị Tr phải có nghĩa vụ liên đới ngang nhau trả nợ cho Ngân hàng ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: LD2000800083 ngày 08/01/2020 tính từ ngày 10/7/2020 đến ngày 26/4/2023 là **137.939.568** đồng (*Trong đó số tiền gốc là 83.338.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 39.287.931 đồng, số tiền lãi quá hạn là 15.313.637 đồng*).

- Về án phí: Ông M và bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông M, bà Tr đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Ông Nguyễn Chí Toại là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông M, bà Tr và ông T.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng yêu cầu ông M phải trả số tiền nợ gốc và lãi từ ngày 10/7/2020 do ông M đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đến ngày 23/11/2022 ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu nguyên đơn cung cấp thì Toà án xét thấy nguyên đơn và bị đơn có việc thực hiện giao dịch vay tiền, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc còn nợ, tiền lãi. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Cống Khê, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] Ngày 08/01/2020 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh Hải Dương có ký hợp đồng tín dụng số LD2000800083 với ông Nguyễn Khắc M để vay số tiền 100.000.000 đồng, theo phương thức vay từng lần, mục đích vay để tiêu dùng, với thời hạn vay là 36 tháng, kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 07/01/2023, lãi suất vay được ghi rõ và được điều chỉnh theo như hợp đồng đã ký kết, vay không có thế chấp tài sản. Nội dung và hình thức của Hợp đồng tuân thủ quy định của pháp luật. Xác nhận Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng. Thực hiện hợp đồng ngày 08/01/2020 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đã giải ngân cho ông M số tiền 100.000.000đ. Nhưng ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng nên ngày 10/8/2020 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nhóm nợ 2.

[5] Sau khi vay tiền, ông M đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Ông M mới trả được ngân hàng số tiền gốc 16.662.000đ. Tính đến ngày 26/4/2023 ông M còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 137.939.568 đồng (*Trong đó số tiền gốc là 83.338.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 39.287.931 đồng, số tiền lãi quá hạn là 15.313.637 đồng*).

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T khởi kiện yêu cầu ông M phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi suất trong hạn, tiền lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

[6] Xét hợp đồng tín dụng chỉ có một mình ông M ký, nhưng thời điểm ký hợp đồng bà Tr là vợ của ông M. Bà Tr biết việc vay của ông M được thể hiện bằng biên bản ghi lời khai của bà Tr, các biên bản làm việc giữa bà Tr với ngân hàng về khoản vay nợ trên. Do vậy xác định khoản vay trên là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân giữa ông M và bà Tr. Do vậy cần buộc bà Tr, ông M cùng phải có nghĩa vụ liên đới với khoản vay này với ngân hàng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Căn cứ xác nhận nợ của hai bên, bảng xác nhận số tiền vay của khách hàng, bảng tính lãi tiền vay của khách hàng về khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp. Tòa án buộc ông M, bà Tr phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính từ ngày 10/7/2020 đến ngày 26/4/2023 là 137.939.568 đồng (*Trong đó số tiền gốc là 83.338.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 39.287.931 đồng, số tiền lãi quá hạn là 15.313.637 đồng*).

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, ông M và bà Tr có nghĩa vụ trả nợ nên ông M và bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 357, 429, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T
2. Về nghĩa vụ trả nợ tiền nợ gốc và tiền lãi:

Buộc ông Nguyễn Khắc M và bà Dương Thị Tr phải có nghĩa vụ liên đới ngang nhau trả nợ cho Ngân hàng ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tổng số

tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: LD2000800083 ngày 08/01/2020 tính từ ngày 10/7/2020 đến ngày 26/4/2023 là **137.939.568** đồng (Trong đó số tiền gốc là 83.338.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 39.287.931 đồng, số tiền lãi quá hạn là 15.313.637 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông M, bà Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

3. Về án phí: Ông Nguyễn Khắc M và bà Dương Thị Tr cùng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.896.978 đồng (đã được làm tròn số). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.079.121 đồng theo biên lai số: AA/2020/0004931 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt ông T, ông M, bà Tr. Ông T, ông M, bà Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh

